



BẢNG 6
BẢNG GIÁ ĐẤT Ở QUẬN BÌNH TÂN

kèm theo Quyết định số 61 /2012/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2012
của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

ST T	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	AN DƯƠNG VƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		4.000
2	AO ĐÔI	MÃ LÒ	QUỐC LỘ 1A	2.200
3	ẤP CHIẾN LƯỢC	MÃ LÒ	TÂN KỶ TÂN QUÝ	2.000
4	BẾN LỢI	VỖ VĂN VÂN	TÂY LÂN	1.500
5	BÌNH LONG	TÂN KỶ TÂN QUÝ	NGÃ TƯ BÓN XÃ	4.100
6	BÌNH THÀNH	TRỌN ĐƯỜNG		1.500
7	BÙI DƯƠNG LỊCH	TRỌN ĐƯỜNG		2.000
8	BÙI HỮU DIỄN	NGUYỄN THỨC TỰ	CUỐI ĐƯỜNG	2.500
9	BÙI HỮU ĐIỆN	TRỌN ĐƯỜNG		2.200
10	BÙI TỰ TOÀN	KINH DƯƠNG VƯƠNG	RẠCH RUỘT NGỰA	3.500
11	CÁC ĐƯỜNG 1A, 2, 2A, 2B, 2C, 3, 4, 6, LÔ D THUỘC KHU DÂN CƯ NAM HÙNG VƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		2.500
12	CÁC ĐƯỜNG SỐ 1A, 1B, 3A, 4B, 6C, 8, 8A, 10, 11, 13, 15, 15A, 17A, 20, 21B, 22, 24, 24A, 24B, 25B, 27, 28, 30, 32, 32A, 33, 34, 34A, 36, 41 THUỘC KHU DÂN CƯ BÌNH TRỊ ĐÔNG B (P. BTĐB, P. AN LẠC A)	TRỌN ĐƯỜNG		2.500
13	CÁC ĐƯỜNG SỐ 2, 3, 4, 5, 9 THUỘC KHU DÂN CƯ NAM LONG	TRỌN ĐƯỜNG		2.200
14	CÁC ĐƯỜNG SỐ 3A, 4A, 5A, 6, 8, 10, 11, 13, 15, 17, 19, 21, 23, THUỘC KHU SAU KHU DÂN CƯ NAM LONG	TRỌN ĐƯỜNG		2.200
15	CÁC ĐƯỜNG SỐ 4A, 5A, 6A, 6B, 7A, 8B, 8C, 12, 12A, 12B, 16, 18, 19A, 19B, 19C, 19D, 19E, 19F, 21, 21A, 21E, 23, 25, 25A, 26, 28A, 31, 31A, 32B, 33A, 33B, 34B, 39 THUỘC KHU DÂN CƯ BÌNH TRỊ ĐÔNG B (P. BTĐ B, P. AN LẠC A)	TRỌN ĐƯỜNG		2.200
16	CÂU KINH	NGUYỄN CỬU PHÚ	NGUYỄN VĂN CỰ	1.500
17	CÂY CẨM	TRỌN ĐƯỜNG		1.500
18	CHIẾN LƯỢC	TÂN HOÀ ĐÔNG	MÃ LÒ	2.400
		MÃ LÒ	QUỐC LỘ 1A	1.500

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

ST T	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
19	DƯƠNG BÁ CUNG	KINH DƯƠNG VƯƠNG	DƯƠNG TỰ QUÁN	2.900
20	DƯƠNG TỰ QUÁN	HOÀNG VĂN HỢP	CUỐI ĐƯỜNG	2.900
21	ĐẤT MỚI (TRƯỚC ĐÂY LÀ ĐƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG)	LÊ VĂN QUỚI	TỈNH LỘ 10	3.100
22	ĐÌNH NGHI XUÂN, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG	PHAN ANH	LIÊN KHU 5-11-12	2.400
23	ĐỖ NĂNG TẾ	KINH DƯƠNG VƯƠNG	ĐƯỜNG SỐ 17	2.900
24	ĐOÀN PHÚ TỬ	NGUYỄN THỨC ĐƯỜNG	CUỐI ĐƯỜNG	2.400
25	ĐƯỜNG 504, PHƯỜNG AN LẠC	TRỌN ĐƯỜNG		2.400
26	ĐƯỜNG 532, PHƯỜNG AN LẠC	TRỌN ĐƯỜNG		2.400
27	ĐƯỜNG BIA TRUYỀN THỐNG	TỈNH LỘ 10	LÊ ĐÌNH CẢN	2.400
28	ĐƯỜNG BỜ SÔNG	TỈNH LỘ 10	GIÁP KHU DÂN CƯ BẮC LƯƠNG BÈO	1.500
29	ĐƯỜNG BỜ TUYẾN	TỈNH LỘ 10	GIÁP KHU DÂN CƯ BẮC LƯƠNG BÈO	2.200
30	ĐƯỜNG MIẾU BÌNH ĐÔNG	LÊ VĂN QUỚI	ĐƯỜNG SỐ 3	2.000
31	ĐƯỜNG MIẾU GÒ XOÀI	TRỌN ĐƯỜNG		1.500
32	ĐƯỜNG SỐ 1 KHU DÂN CƯ NAM HÙNG VƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		3.600
33	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B - PHƯỜNG AN LẠC A	TRỌN ĐƯỜNG		4.400
34	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	BÌNH LONG	ĐƯỜNG SỐ 8	2.400
35	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 16	ĐƯỜNG SỐ 4	1.500
36	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 18B	ĐƯỜNG SỐ 2	1.500
37	ĐƯỜNG SỐ 1, KHU PHỐ 7 PHƯỜNG TÂN TẠO A	TỈNH LỘ 10	CẦU KINH	1.500
38	ĐƯỜNG SỐ 1, KHU PHỐ 5 PHƯỜNG TÂN TẠO A	TỈNH LỘ 10	CUỐI ĐƯỜNG	1.500
39	ĐƯỜNG SỐ 1B, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	MIẾU BÌNH ĐÔNG	ĐƯỜNG SỐ 6	1.500
40	ĐƯỜNG SỐ 1C, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	TRỌN ĐƯỜNG (KP5)		1.500
41	ĐƯỜNG SỐ 1C, KHU DÂN CƯ AN LẠC - BÌNH TRỊ ĐÔNG (PHƯỜNG AN LẠC A, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B)	TRỌN ĐƯỜNG		2.100
42	ĐƯỜNG SỐ 1D, KP4-PHƯỜNG AN LẠC A	ĐƯỜNG SỐ 4C	CUỐI ĐƯỜNG	2.200
43	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	GÒ XOÀI	LIÊN KHU 8-9	1.500

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

ST T	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
44	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	LÊ VĂN QUỚI	CUỐI ĐƯỜNG	1.800
45	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	MÃ LÒ	CUỐI ĐƯỜNG	1.500
46	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA	PHẠM ĐĂNG GIẢNG	CUỐI ĐƯỜNG	1.500
47	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA B	QUỐC LỘ 1A	LIÊN KHU 4-5	1.500
48	ĐƯỜNG SỐ 2 KHU DÂN CƯ AN LẠC A	TRỌN ĐƯỜNG		2.400
49	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG TÂN TẠO	TRỌN ĐƯỜNG		2.200
50	ĐƯỜNG SỐ 2A, 2B, 2C, THUỘC KHU DÂN CƯ AN LẠC A	TRỌN ĐƯỜNG		2.400
51	ĐƯỜNG SỐ 2A, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	GÒ XOÀI	LIÊN KHU 8-9	1.500
52	ĐƯỜNG SỐ 2B, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 2	ĐƯỜNG SỐ 2C	1.500
53	ĐƯỜNG SỐ 2C, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 2 (KP9)	CUỐI ĐƯỜNG	1.500
54	ĐƯỜNG SỐ 2D, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 4 (KP9)	ĐƯỜNG SỐ 2A	1.500
55	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA	ĐƯỜNG SỐ 2	CUỐI ĐƯỜNG	1.500
56	ĐƯỜNG SỐ 3, KHU PHỐ 7 PHƯỜNG TÂN TẠO A	TỈNH LỘ 10	CUỐI ĐƯỜNG	1.500
57	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B	ĐƯỜNG SỐ 4	ĐƯỜNG SỐ 2	3.100
58	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	BÌNH LONG	CUỐI ĐƯỜNG	2.400
59	ĐƯỜNG SỐ 3A, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 5D	DỰ ÁN 415	1.500
60	ĐƯỜNG SỐ 3B, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 3A	DỰ ÁN 415	1.500
61	ĐƯỜNG SỐ 3B, 3C, 3, 5, THUỘC KHU SAU KHU DÂN CƯ AN LẠC A	TRỌN ĐƯỜNG		2.900
62	ĐƯỜNG SỐ 3C, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 3A	DỰ ÁN 415	1.500
63	ĐƯỜNG SỐ 4, KHU DÂN CƯ AN LẠC - BÌNH TRỊ ĐÔNG (PHƯỜNG AN LẠC A, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B)	TRỌN ĐƯỜNG		4.000
64	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA	ĐƯỜNG SỐ 2	CUỐI ĐƯỜNG	1.500
65	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	GÒ XOÀI	DỰ ÁN 415	1.500

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

ST T	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
66	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	LÊ VĂN QUỚI	DỰ ÁN 415	1.800
67	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA B	QUỐC LỘ 1A	ĐƯỜNG SỐ 8	1.500
68	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG TÂN TẠO	TRỌN ĐƯỜNG		2.200
69	ĐƯỜNG SỐ 4C, KHU DÂN CƯ AN LẠC - BÌNH TRỊ ĐÔNG (PHƯỜNG AN LẠC A, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B)	TRỌN ĐƯỜNG		2.400
70	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B	TRỌN ĐƯỜNG		4.000
71	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA	HƯƠNG LỘ 3	QUỐC LỘ 1A	1.500
72	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	BÌNH LONG	ĐƯỜNG SỐ 8	2.400
73	ĐƯỜNG SỐ 5A, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	KÊNH NƯỚC ĐEN	CUỐI ĐƯỜNG	1.500
74	ĐƯỜNG SỐ 5B, KHU DÂN CƯ AN LẠC - BÌNH TRỊ ĐÔNG (PHƯỜNG AN LẠC A, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B)	TRỌN ĐƯỜNG		2.900
75	ĐƯỜNG SỐ 5B, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 5	ĐƯỜNG SỐ 8	1.500
76	ĐƯỜNG SỐ 5C, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 5E	DỰ ÁN 415	1.500
77	ĐƯỜNG SỐ 5D, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	LIÊN KHU 7-13	CUỐI ĐƯỜNG	1.500
78	ĐƯỜNG SỐ 5E, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 5C	CUỐI ĐƯỜNG	1.500
79	ĐƯỜNG SỐ 5F, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 5D	KÊNH NƯỚC ĐEN	1.500
80	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG TÂN TẠO	TRỌN ĐƯỜNG		2.200
81	ĐƯỜNG SỐ 6 THUỘC KHU DÂN CƯ BÌNH TRỊ ĐÔNG B	TRỌN ĐƯỜNG		3.100
82	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA	QUỐC LỘ 1A	CUỐI ĐƯỜNG	1.500
83	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	LÊ VĂN QUỚI	CUỐI ĐƯỜNG	1.800
84	ĐƯỜNG SỐ 6, KHU DÂN CƯ AN LẠC - BÌNH TRỊ ĐÔNG (PHƯỜNG AN LẠC A, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B)	TRỌN ĐƯỜNG		3.100
85	ĐƯỜNG SỐ 6 (LIÊN KHU 5 CŨ), PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA B	TRỌN ĐƯỜNG		1.500

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

ST T	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
86	ĐƯỜNG SỐ 7	TRỌN ĐƯỜNG		4.400
87	ĐƯỜNG SỐ 7 KHU DÂN CƯ NAM LONG	TRỌN ĐƯỜNG		4.000
88	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA	QUỐC LỘ 1A	CUỐI ĐƯỜNG	1.500
89	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	BÌNH LONG	ĐƯỜNG SỐ 8	2.400
90	ĐƯỜNG SỐ 7A, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	KINH NƯỚC ĐEN	DỰ ÁN 415	1.500
91	ĐƯỜNG SỐ 7B, KHU DÂN CƯ AN LẠC - BÌNH TRỊ ĐÔNG (PHƯỜNG AN LẠC A, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B)	TRỌN ĐƯỜNG		3.100
92	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA	TÂN KỶ TÂN QUÝ	HƯƠNG LỘ 3	1.500
93	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	LÊ VĂN QUỚI	KÊNH NƯỚC ĐEN	2.100
94	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA B	QUỐC LỘ 1A	LIÊN KHU 5-6	1.500
95	ĐƯỜNG SỐ 8B, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 3	CUỐI ĐƯỜNG	1.500
96	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA	QUỐC LỘ 1A	CUỐI ĐƯỜNG	1.500
97	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	BÌNH LONG	ĐƯỜNG SỐ 9A	2.100
98	ĐƯỜNG SỐ 9A, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	DỰ ÁN 415	CUỐI ĐƯỜNG	1.500
99	ĐƯỜNG SỐ 9B, KHU DÂN CƯ AN LẠC - BÌNH TRỊ ĐÔNG (PHƯỜNG AN LẠC A, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B)	TRỌN ĐƯỜNG		2.400
100	ĐƯỜNG SỐ 10, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA	ĐƯỜNG 26/2	CUỐI ĐƯỜNG	1.500
101	ĐƯỜNG SỐ 10, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	LÊ VĂN QUỚI	CUỐI ĐƯỜNG	1.800
102	ĐƯỜNG SỐ 10, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA B	QUỐC LỘ 1A	LIÊN KHU 5-6	1.500
103	ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA	ĐƯỜNG 26/2	CUỐI ĐƯỜNG	1.500
104	ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	BÌNH LONG	ĐƯỜNG SỐ 17	1.500
105	ĐƯỜNG SỐ 11A, KHU DÂN CƯ AN LẠC - BÌNH TRỊ ĐÔNG (PHƯỜNG AN LẠC A, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B)	TRỌN ĐƯỜNG		2.400
106	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA	TÂN KỶ TÂN QUÝ	ĐƯỜNG 26/3	1.800

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

ST T	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
107	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	TRỌN ĐƯỜNG		1.500
108	ĐƯỜNG SỐ 13, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA	HƯỚNG LỘ 3	ĐƯỜNG 26/3	1.500
109	ĐƯỜNG SỐ 13, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 17	DỰ ÁN 415	1.500
110	ĐƯỜNG SỐ 13A, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 17	DỰ ÁN 415	1.500
111	ĐƯỜNG SỐ 14, KHU DÂN CƯ AN LẠC - BÌNH TRỊ ĐÔNG (PHƯỜNG AN LẠC A, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B)	TRỌN ĐƯỜNG		2.500
112	ĐƯỜNG SỐ 14, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	LÊ VĂN QUỚI	DỰ ÁN 415	1.800
113	ĐƯỜNG SỐ 14A, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	LIÊN KHU 7-13	CUỐI ĐƯỜNG	1.500
114	ĐƯỜNG SỐ 14B, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	LIÊN KHU 7-13	ĐƯỜNG SỐ 2	1.500
115	ĐƯỜNG SỐ 15, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA	ĐƯỜNG 26/3	CUỐI ĐƯỜNG	1.500
116	ĐƯỜNG SỐ 16, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA	LÊ TRỌNG TẤN	CUỐI ĐƯỜNG	1.500
117	ĐƯỜNG SỐ 16, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	TRỌN ĐƯỜNG		1.500
118	ĐƯỜNG SỐ 16A, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	MIẾU GÒ XOÀI	DỰ ÁN 415	1.500
119	ĐƯỜNG SỐ 17, KHU DÂN CƯ AN LẠC - BÌNH TRỊ ĐÔNG (PHƯỜNG AN LẠC A, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B)	TRỌN ĐƯỜNG		2.500
120	ĐƯỜNG SỐ 17, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	TÂN KỶ-TÂN QUÝ	ĐƯỜNG SỐ 19A	1.800
121	ĐƯỜNG SỐ 17A, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	TRỌN ĐƯỜNG		1.500
122	ĐƯỜNG SỐ 17B, KHU DÂN CƯ AN LẠC - BÌNH TRỊ ĐÔNG (PHƯỜNG AN LẠC A, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B)	TRỌN ĐƯỜNG		2.500
123	ĐƯỜNG SỐ 18, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA	QUỐC LỘ 1A	KHU CÔNG NGHIỆP TÂN BÌNH	2.900
124	ĐƯỜNG SỐ 18A, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 18B	HƯỚNG BÌNH TRỊ ĐÔNG	1.500
125	ĐƯỜNG 18B, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	QUỐC LỘ 1A	GÒ XOÀI	1.800
126	ĐƯỜNG SỐ 18C, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 18B	HƯỚNG BÌNH TRỊ ĐÔNG	1.500

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

ST T	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
127	ĐƯỜNG SỐ 18D, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	TRỌN ĐƯỜNG		1.500
128	ĐƯỜNG SỐ 18E PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	ĐƯỜNG 18B	TRỌN ĐƯỜNG (KP1)	1.500
129	ĐƯỜNG SỐ 19, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B	TRỌN ĐƯỜNG		4.800
130	ĐƯỜNG SỐ 19, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	TÂN KỶ-TÂN QUÝ	DỰ ÁN 415	1.800
131	ĐƯỜNG SỐ 19A, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	TÂN KỶ TÂN QUÝ	DỰ ÁN 415	1.500
132	ĐƯỜNG SỐ 20, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	TRỌN ĐƯỜNG		1.500
133	ĐƯỜNG SỐ 21, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	QUỐC LỘ 1A	MÃ LÒ	1.500
134	ĐƯỜNG SỐ 22, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	LÊ VĂN QUỚI	ĐƯỜNG SỐ 16	2.000
135	ĐƯỜNG SỐ 24, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	LÊ VĂN QUỚI	ĐƯỜNG SỐ 16	2.000
136	ĐƯỜNG SỐ 24A, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	LÊ VĂN QUỚI	CUỐI ĐƯỜNG	1.800
137	ĐƯỜNG SỐ 25, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 16	MIẾU GÒ XOÀI	1.500
138	ĐƯỜNG SỐ 26/3 PHƯỜNG BÌNH HUNG HOÀ	HƯƠNG LỘ 13 (LÊ TRỌNG TẤN)	CUỐI ĐƯỜNG	1.800
139	ĐƯỜNG SỐ 29 THUỘC KHU DÂN CƯ BÌNH TRỊ ĐÔNG B	TRỌN ĐƯỜNG		3.100
140	ĐƯỜNG SỐ 38, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 6	2.500
141	ĐƯỜNG SỐ 38A, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 7	TỈNH LỘ 10	2.500
142	ĐƯỜNG SỐ 40, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 7	TỈNH LỘ 10	3.500
143	ĐƯỜNG SỐ 40A, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 51	2.500
144	ĐƯỜNG SỐ 40B, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 49	ĐƯỜNG SỐ 51	2.200
145	ĐƯỜNG SỐ 42, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 51	2.500
146	ĐƯỜNG SỐ 42A, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 49B	ĐƯỜNG SỐ 51	2.200
147	ĐƯỜNG SỐ 44, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 51	2.500
148	ĐƯỜNG SỐ 46, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 7	CUỐI ĐƯỜNG	3.100
149	ĐƯỜNG SỐ 46A, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 53	CUỐI ĐƯỜNG	2.500
150	ĐƯỜNG SỐ 46B, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 53	ĐƯỜNG SỐ 53A	2.200
151	ĐƯỜNG SỐ 47 PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 40A	ĐƯỜNG SỐ 44	2.200
152	ĐƯỜNG SỐ 48, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 7	CUỐI ĐƯỜNG	2.500
153	ĐƯỜNG SỐ 48A, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 55B	ĐƯỜNG SỐ 55	2.200
154	ĐƯỜNG SỐ 48B, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 55	CUỐI ĐƯỜNG	2.200
155	ĐƯỜNG SỐ 48C, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 55A	CUỐI ĐƯỜNG	2.200

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

ST T	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
156	ĐƯỜNG SỐ 49, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 46	ĐƯỜNG SỐ 40	3.500
157	ĐƯỜNG SỐ 49A, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 40A	ĐƯỜNG SỐ 40B	2.200
158	ĐƯỜNG SỐ 49B, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 44	ĐƯỜNG SỐ 42	2.200
159	ĐƯỜNG SỐ 49C, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 42A	ĐƯỜNG SỐ 44	2.200
160	ĐƯỜNG SỐ 50, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 57	2.500
161	ĐƯỜNG SỐ 50A, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 53	ĐƯỜNG SỐ 55	2.200
162	ĐƯỜNG SỐ 50B, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 55A	ĐƯỜNG SỐ 57	2.200
163	ĐƯỜNG SỐ 50C, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 53C	2.500
164	ĐƯỜNG SỐ 50D, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 55	ĐƯỜNG SỐ 57A	2.200
165	ĐƯỜNG SỐ 51, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 40	CUỐI ĐƯỜNG	2.300
166	ĐƯỜNG SỐ 52, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 59	2.500
167	ĐƯỜNG SỐ 52A, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 53D	ĐƯỜNG SỐ 55	2.200
168	ĐƯỜNG SỐ 52B, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 57C	ĐƯỜNG SỐ 57	2.200
169	ĐƯỜNG SỐ 53, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 50C	ĐƯỜNG SỐ 46	2.200
170	ĐƯỜNG SỐ 53A, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 48	ĐƯỜNG SỐ 46A	2.300
171	ĐƯỜNG SỐ 53B, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 50A	ĐƯỜNG SỐ 50C	2.300
172	ĐƯỜNG SỐ 53C, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 52A	ĐƯỜNG SỐ 50A	2.300
173	ĐƯỜNG SỐ 53D, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 54	ĐƯỜNG SỐ 52	2.300
174	ĐƯỜNG SỐ 54, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 57	2.500
175	ĐƯỜNG SỐ 54A, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 57	ĐƯỜNG SỐ 59	2.500
176	ĐƯỜNG SỐ 55, PHƯỜNG TÂN TẠO	QUỐC LỘ 1A	ĐƯỜNG SỐ 46	3.100
177	ĐƯỜNG SỐ 55A, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 50D	ĐƯỜNG SỐ 48A	2.300
178	ĐƯỜNG SỐ 55B, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 48C	ĐƯỜNG SỐ 46A	2.300
179	ĐƯỜNG SỐ 57, PHƯỜNG TÂN TẠO	QUỐC LỘ 1A	ĐƯỜNG SỐ 50	3.100
180	ĐƯỜNG SỐ 57A, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 52B	ĐƯỜNG SỐ 50B	2.300
181	ĐƯỜNG SỐ 57B, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 50B	ĐƯỜNG SỐ 50D	2.300
182	ĐƯỜNG SỐ 57C, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 54	ĐƯỜNG SỐ 52	2.300
183	ĐƯỜNG SỐ 59, PHƯỜNG TÂN TẠO	TRỌN ĐƯỜNG		2.300
184	ĐƯỜNG SỐ 59B, PHƯỜNG TÂN TẠO	TRỌN ĐƯỜNG		2.300
185	GÒ XOÀI	TRỌN ĐƯỜNG		2.400
186	HỒ HỌC LÂM	QUỐC LỘ 1A	RẠCH CÁT (PHÚ ĐÌNH)	4.800
187	HỒ VĂN LONG	NGUYỄN THỊ TÚ	ĐƯỜNG SỐ 7 (KHU CÔNG NGHIỆP VĨNH	2.000
		TỈNH LỘ 10	CUỐI ĐƯỜNG	2.000
188	HOÀNG VĂN HỢP	KINH DƯƠNG VƯƠNG	ĐƯỜNG 1A	2.900
189	HƯƠNG LỘ 2	TRỌN ĐƯỜNG		3.300
190	HƯƠNG LỘ 3	TÂN KỶ TÂN QUÝ	ĐƯỜNG SỐ 5	3.100
191	KÊNH C (NGUYỄN ĐÌNH KIÊN CŨ)	TRỌN ĐƯỜNG		1.200

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

ST T	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
192	KÊNH NƯỚC ĐEN, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	TRỌN ĐƯỜNG		2.600
193	KÊNH NƯỚC ĐEN, PHƯỜNG AN LẠC A	KINH DƯƠNG VƯƠNG	TÊN LỬA	2.900
194	KHIẾU NĂNG TỈNH	TRỌN ĐƯỜNG		2.900
195	KINH DƯƠNG VƯƠNG	MŨI TÀU	CẦU AN LẠC	8.400
		CẦU AN LẠC	VÒNG XOAY AN LẠC	5.900
196	LÂM HOÀNH	KINH DƯƠNG VƯƠNG	SỐ 71 LÂM HOÀNH	3.100
		TỪ SỐ 71 LÂM HOÀNH	CUỐI ĐƯỜNG	2.400
197	LÊ CƠ	KINH DƯƠNG VƯƠNG	RANH KHU DÂN CƯ NAM HÙNG VƯƠNG	2.400
		RANH KHU DÂN CƯ NAM HÙNG VƯƠNG	CUỐI ĐƯỜNG	3.100
198	LÊ CÔNG PHÉP	TRỌN ĐƯỜNG		2.400
199	LÊ ĐÌNH CÂN	QUỐC LỘ 1A	TỈNH LỘ 10	2.400
200	LÊ ĐÌNH DƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		3.100
201	LÊ NGUNG	NGUYỄN CỬU PHÚ	KÊNH 5	1.500
202	LÊ TẤN BÊ	TRỌN ĐƯỜNG		3.100
203	LÊ TRỌNG TÂN	CẦU BUNG	QUỐC LỘ 1A	3.700
204	LÊ VĂN QUỐI	TRỌN ĐƯỜNG		4.200
205	LIÊN KHU 1 - 6 BÌNH TRỊ ĐÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		1.800
206	LIÊN KHU 2 - 5 BÌNH TRỊ ĐÔNG	TÂN HÒA ĐÔNG	HƯƠNG LỘ 2	2.600
207	LIÊN KHU 2-10, PHƯỜNG BÌNH HUNG HOÀ A	LÔ TƯ	GÒ XOÀI	1.500
208	LIÊN KHU 4-5, PHƯỜNG BÌNH HUNG HOÀ B	TRỌN ĐƯỜNG		1.500
209	LIÊN KHU 5-6, PHƯỜNG BÌNH HUNG HOÀ B	TRỌN ĐƯỜNG		1.500
210	LIÊN KHU 5-11-12, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG	TÂN HÒA ĐÔNG	ĐÌNH NGHI XUÂN	2.600
211	LIÊN KHU 7-13, PHƯỜNG BÌNH HUNG HOÀ A	ĐƯỜNG SỐ 8B	DỰ ÁN 415	1.500
212	LIÊN KHU 8-9, PHƯỜNG BÌNH HUNG HOÀ A	ĐƯỜNG SỐ 16	ĐƯỜNG SỐ 4	1.500
213	LIÊN KHU PHỐ 10-11, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG	PHAN ANH	CUỐI ĐƯỜNG	2.600
214	LIÊN KHU 16 - 18 BÌNH TRỊ ĐÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		2.400
215	LỘ TÊ	TRỌN ĐƯỜNG		2.200
216	LÔ TƯ	MÃ LÒ	ĐƯỜNG GÒ XOÀI	1.500

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

ST T	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
217	MÃ LÒ	TỈNH LỘ 10	TÂN KỶ TÂN QUÝ	3.500
218	NGÔ Y LINH	AN DƯƠNG VƯƠNG	RẠCH RUỘT NGỰA	3.100
219	NGUYỄN CÙU PHÚ	TỈNH LỘ 10	GIÁP HUYỆN BÌNH CHÁNH	2.000
220	NGUYỄN HỐI	KINH DƯƠNG VƯƠNG	LÒ GÓM	3.100
221	NGUYỄN QUÝ YÊM	AN DƯƠNG VƯƠNG	CUỐI ĐƯỜNG	2.900
222	NGUYỄN THỊ TÚ	QUỐC LỘ 1A	VĨNH LỘC	3.000
223	NGUYỄN THỨC ĐƯỜNG	KINH DƯƠNG VƯƠNG	NGUYỄN THỨC TỰ	4.000
224	NGUYỄN THỨC TỰ	NGUYỄN THỨC ĐƯỜNG	HOÀNG VĂN HỢP	2.900
225	NGUYỄN TRIỆU LUẬT	TRỌN ĐƯỜNG		1.500
226	NGUYỄN TRỌNG TRÍ	KINH DƯƠNG VƯƠNG	TÊN LỬA	2.900
227	NGUYỄN VĂN CỰ	TRỌN ĐƯỜNG		1.500
228	PHẠM BÌNH	NGUYỄN THỨC TỰ	PHAN CÁT TỰ	2.000
229	PHẠM ĐĂNG GIẢNG	RANH QUẬN 12	QUỐC LỘ 1A	2.900
230	PHAN CÁT TỰ	TRỌN ĐƯỜNG		2.000
231	PHAN ANH	NGÃ TƯ BỐN XÃ	TÂN HOÀ ĐÔNG	4.100
232	PHAN ĐÌNH THÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		2.600
233	PHÙNG TÁ CHU	BÀ HOM	KHIẾU NĂNG TỈNH	2.300
234	QUỐC LỘ 1A	GIÁP RANH BÌNH CHÁNH	GIÁP HUYỆN HÓC MÔN	4.000
235	SINCO	TRỌN ĐƯỜNG		2.400
236	SÔNG SUỐI	QUỐC LỘ 1A	RANH SÔNG SUỐI	1.500
237	TẠ MỸ DUẬT	NGUYỄN THỨC ĐƯỜNG	CUỐI ĐƯỜNG	2.600
238	TÂN HOÀ ĐÔNG	AN DƯƠNG VƯƠNG	HƯƠNG LỘ 2	4.000
239	TÂN KỶ TÂN QUÝ	BÌNH LONG	QUỐC LỘ 1A	4.000
240	TẬP ĐOÀN 6B	QUỐC LỘ 1A	CUỐI ĐƯỜNG	1.500
241	TÂY LÂN	QUỐC LỘ 1A	CUỐI ĐƯỜNG	1.800
242	TÊN LỬA	KINH DƯƠNG VƯƠNG	RANH KHU DÂN CƯ AN LẠC	4.400
		RANH KHU DÂN CƯ AN LẠC	ĐƯỜNG SỐ 29	4.400
		ĐƯỜNG SỐ 29	TỈNH LỘ 10	2.900
243	TỈNH LỘ 10	CÂY DA SÀ	QUỐC LỘ 1A	4.100
		QUỐC LỘ 1A	CẦU TÂN TẠO (TỈNH LỘ 10)	3.100
		CẦU TÂN TẠO (TỈNH LỘ 10)	RANH BÌNH CHÁNH	2.200
244	TRẦN ĐẠI NGHĨA	TRỌN ĐƯỜNG		2.900

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

ST T	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
245	TRẦN THANH MẠI	TỈNH LỘ 10	GIÁP KHU DÂN CƯ BẮC LƯƠNG BÈO	1.500
246	TRƯƠNG PHƯỚC PHAN	TRỌN ĐƯỜNG		2.500
247	VÀNH ĐAI TRONG	KINH DƯƠNG VƯƠNG	HƯƠNG LỘ 2 (BÌNH TRỊ ĐÔNG)	5.700
248	VĨNH LỘC (HƯƠNG LỘ 80)	NGUYỄN THỊ TÚ	KHU CÔNG NGHIỆP VĨNH LỘC	2.000
249	VỖ VĂN VÂN	TỈNH LỘ 10	RANH HUYỆN BÌNH CHÁNH	1.400
250	VŨ HỮU	TẠ MỸ DUẬT	NGUYỄN THỨC ĐƯỜNG	2.500
251	VƯƠNG VĂN HUÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		2.000
252	VỖ VĂN KIỆT	TRỌN ĐƯỜNG		5.000
253	HOÀNG HÙNG	NGUYỄN THỨC ĐƯỜNG	CUỐI ĐƯỜNG	2.300
254	CAO TỐC HCM-TRUNG LƯƠNG	QUỐC LỘ 1A	RANH BÌNH CHÁNH	2.000

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ